

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC
(WASECO)
*Báo cáo tài chính riêng
6 tháng đầu năm 2014*



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 38 205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014	11 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Bôn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tất Thắng	Phó chủ tịch
Ông Đặng Văn Tiêu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Văn Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Đặng Văn Tiêu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Xuân Lãng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Phạm Ngọc Tú	Trưởng ban kiểm soát
Ông Huỳnh Bá Đức	Thành viên
Ông Phạm Phước Thịnh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đặng Văn Tiêu

Số: 490/BCKT/TC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Về Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO))***Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)
- Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Đỗ Khắc Thanh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên**Đinh Thế Đường**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

501172
CÔNG T
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ13935
CÔNG T
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		236.064.830.839	276.633.072.841
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	6.023.738.378	24.310.140.869
1. Tiền	111		6.023.738.378	24.310.140.869
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	164.257.211.433	184.142.910.749
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	88.890.047.921	112.747.316.216
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	74.524.290.553	70.293.109.160
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	2.157.614.722	2.417.227.136
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	2.4	(1.314.741.763)	(1.314.741.763)
IV. Hàng tồn kho	140	3	38.899.106.385	41.187.332.773
1. Hàng tồn kho	141		38.899.106.385	41.187.332.773
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	26.884.774.643	26.992.688.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	3.704.833.991	7.065.029.236
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.2	23.179.940.652	19.927.659.214
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		503.461.585.453	513.437.229.019
II. Tài sản cố định	220		457.747.966.645	452.723.610.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	94.752.455.120	99.055.192.571
- Nguyên giá	222		158.091.399.099	158.091.399.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(63.338.943.979)	(59.036.206.528)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	2.310.000.000	2.373.000.000
- Nguyên giá	228		3.150.000.000	3.150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(840.000.000)	(777.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	360.685.511.525	351.295.417.640
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	45.337.946.475	60.337.946.475
1. Đầu tư vào công ty con	251	8.1	40.850.000.000	40.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.2	4.487.946.475	19.487.946.475
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		375.672.333	375.672.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		375.672.333	375.672.333
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		739.526.416.292	790.070.301.860

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		562.215.434.691	614.113.594.204
I. Nợ ngắn hạn	310	9	211.271.446.757	268.390.262.653
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9.1	87.736.786.639	99.805.543.958
2. Phải trả người bán	312	9.2	23.347.287.089	27.627.534.927
3. Người mua trả tiền trước	313	9.3	22.834.838.914	34.981.757.215
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9.4	7.604.233.675	16.444.168.910
5. Phải trả người lao động	315	9.5	507.568.988	1.387.159.809
6. Chi phí phải trả	316	9.6	31.874.497.776	27.253.159.432
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.7	35.771.939.195	59.216.543.921
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9.8	1.594.294.481	1.674.394.481
II. Nợ dài hạn	330	10	350.943.987.933	345.723.331.551
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	10.1	105.856.254.337	105.856.254.337
3. Phải trả dài hạn khác	333	10.2	126.337.706.763	123.893.118.900
4. Vay và nợ dài hạn	334	10.3	118.750.026.833	115.973.958.311
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		177.310.981.603	175.956.707.659
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	177.297.073.355	175.942.799.409
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(30.000)	(30.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.469.984.028	10.469.984.028
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.840.885.423	4.764.289.058
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.346.905.757	19.069.228.176
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	12	13.908.248	13.908.248
1. Nguồn kinh phí	432		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		739.526.416.292	790.070.301.860

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1,913.90	1,918.93
- EUR		246.33	114.62
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Thị Sen

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đặng Văn Tiêu



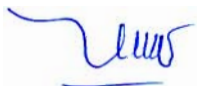
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	129.192.495.022	104.676.556.503
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	129.192.495.022	104.676.556.503
4. Giá vốn hàng bán	11	16	113.150.941.919	86.028.772.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.041.553.103	18.647.784.294
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.566.810.195	1.024.433.481
7. Chi phí tài chính	22	18	5.318.986.620	6.681.920.388
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.310.834.762	6.191.607.131
8. Chi phí bán hàng	24		269.549.023	315.978.504
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.085.863.612	9.217.176.362
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4.933.964.043	3.457.142.521
11. Thu nhập khác	31		922.163.762	721.893.060
12. Chi phí khác	32		31.931.986	311.366.957
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		890.231.776	410.526.103
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.824.195.819	3.867.668.624
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	1.169.921.874	922.017.602
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	21	4.654.273.945	2.945.651.022
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		353	223

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Sen

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đặng Văn Tiêu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

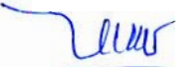
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128.941.797.573	108.338.868.038
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(47.833.957.036)	(83.016.293.177)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.463.347.651)	(6.274.962.672)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.411.615.076)	(7.103.306.944)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.519.925.853)	(594.138.520)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.528.889.848	20.565.260.963
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(77.247.472.825)	(61.150.487.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.994.368.980	(29.235.060.005)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.390.093.885)	(16.016.754.096)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(9.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		397.366.015	284.146.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.992.727.870)	(24.732.607.437)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		72.468.603.352	120.856.001.631
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(81.761.292.152)	(86.373.215.275)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.995.354.801)	(620.233.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.288.043.601)	33.862.552.971
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(18.286.402.491)	(20.105.114.471)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24.310.140.869	25.660.640.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6.023.738.378	5.555.526.330

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

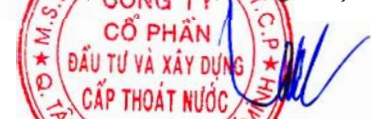
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014





Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Sen

Nguyễn Quốc Tuấn

Đặng Văn Tiêu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Trụ sở của Công ty tại: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con: Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Địa Lợi – Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 95%.

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Luật kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

5.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.2.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.2.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

6.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

6.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: không phát sinh.

7. Kế toán các hoạt động liên doanh:

7.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

7.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

9. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

11. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

5011729
CÔNG TY
H NHIỆM HỮU
I VỤ TƯ V
HÌNH KẾ T
KIỂM TOÁ
HÍA NAM
TP. HỒ C

039383
ÔNG TY
Ổ PHẦN
I VÀ XÂY D
THOÁT NƯỚC
7- TP. HỒ C

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

12.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12.4 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1-Tiền mặt	253.472.126	262.606.671
- Văn phòng công ty	210.575.853	242.553.742
- Trung Tâm Kinh Doanh	37.228.381	15.341.164
- Chi Nhánh Daklak	5.667.892	4.711.765
1.2-Tiền gửi ngân hàng	5.770.266.252	24.047.534.198
a- Văn phòng công ty	5.050.034.346	24.018.557.793
* TGNH (VND)	5.001.953.589	23.974.792.980
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.690.773.600	6.743.398.333
- Ngân hàng TM CP Quân Đội	34.197.057	34.129.691
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	55.073.192	31.985.691
- Ngân hàng Công Thương CN I	1.734.184.638	4.070.738.364
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Đông Sài Gòn	2.919.544	3.065.244
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam-CN4	949.003	1.015.003
- Ngân hàng Công Thương CN I - CT Phú Quốc	1.483.725.575	13.086.830.336
- Ngân hàng Công Thương		1.865.872
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)		1.633.466
- Ngân hàng Maritime Bank	130.980	130.980
* TGNH (Ngoại tệ)	48.080.757	43.764.813
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 246.33 EUR)	7.199.851	3.311.342
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 663.94 USD)	14.181.759	14.107.763
- Ngân hàng TM CP Quân Đội (# 1,028.61 USD)	21.971.110	21.688.242
- Ngân hàng Công Thương CN I (# 221.35 USD)	4.728.037	4.657.466
b- Trung tâm kinh doanh	355.772.875	27.773.478
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	355.772.875	27.773.478
c- Chi Nhánh Daklak	364.459.031	1.202.927
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	364.459.031	1.202.927
Cộng	6.023.738.378	24.310.140.869

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		
2.1- Phải thu khách hàng	88.890.047.921	112.747.316.216
2.2- Trả trước người bán	74.524.290.553	70.293.109.160
2.3- Các khoản phải thu khác	2.157.614.722	2.417.227.136
2.4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1.314.741.763)	(1.314.741.763)
Cộng	164.257.211.433	184.142.910.749
3. HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	2.397.987.676	2.351.513.286
- Công cụ, dụng cụ	42.974.398	11.252.736
- Chi phí SX KD dở dang	36.157.200.972	38.636.159.537
- Thành phẩm	191.609.989	66.928.225
- Hàng hóa	96.273.350	108.418.989
- Hàng gửi bán	13.060.000	13.060.000
Cộng	38.899.106.385	41.187.332.773
4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.1-Chi phí trả trước ngắn hạn	3.704.833.991	7.065.029.236
4.2-Tài sản ngắn hạn khác	23.179.940.652	19.927.659.214
- Tạm ứng	22.331.465.187	18.290.045.295
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	848.475.465	1.637.613.919
Cộng	26.884.774.643	26.992.688.450

35011729
 CÔNG TY
 "CH NHIỆM HỮU P
 ĐẦU TƯ V
 CHÍNH KẾ T
 KIỂM TOÁ
 PHẠ NAM
 TP. HỒ C

03063933
 CÔNG T
 CỔ PHẢ
 ĐẦU TƯ VÀ XÂY
 CẤP THOÁT N
 V. BÌNH- T. P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

5. TÁNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	120.483.526.645	10.280.201.861	11.160.399.990	16.167.270.603		158.091.399.099
2 Số tăng trong kỳ						
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tặng khác						
3 Số giảm trong kỳ						
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	120.483.526.645	10.280.201.861	11.160.399.990	16.167.270.603		158.091.399.099
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	35.927.866.218	4.207.365.015	6.302.873.475	12.598.101.820		59.036.206.528
2 Số tăng trong kỳ	2.644.164.699	107.092.239	603.856.947	947.623.566		4.302.737.451
- Khấu hao trong kỳ	2.644.164.699	107.092.239	603.856.947	947.623.566		4.302.737.451
- Tặng khác						
3 Số giảm trong kỳ						
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	38.572.030.917	4.314.457.254	6.906.730.422	13.545.725.386		63.338.943.979
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	84.555.660.427	6.072.836.846	4.857.526.515	3.569.168.783		99.055.192.571
2 Tại ngày cuối kỳ	81.911.495.728	5.965.744.607	4.253.669.568	2.621.545.217		94.752.455.120



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	Tổng Cộng
I. Nguyên giá				
1 Số dư đầu năm			3.150.000.000	3.150.000.000
2 Số tăng trong kỳ				
Bao gồm:				
- Mua trong kỳ				
- Tạo ra từ nội bộ DN				
- Tăng do hợp nhất KD				
- Tăng khác				
3 Số giảm trong kỳ				
Bao gồm:				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4 Số dư cuối kỳ			3.150.000.000	3.150.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1 Số dư đầu năm			777.000.000	777.000.000
2 Số tăng trong kỳ			63.000.000	63.000.000
- Khấu hao trong kỳ			63.000.000	63.000.000
- Tăng khác				
3 Số giảm trong kỳ				
Bao gồm:				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4 Số dư cuối kỳ			840.000.000	840.000.000
III. Giá trị còn lại				
1 Tại ngày đầu năm			2.373.000.000	2.373.000.000
2 Tại ngày cuối kỳ			2.310.000.000	2.310.000.000

7. CHI PHÍ XDCB DỒ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chung cư cao tầng số 10 Phố Quang, trong đó:	355.138.595.678	346.998.082.883
+ Quyền sử dụng đất	179.164.703.558	179.164.703.558
+ Quyền phát triển dự án	31.016.000.000	31.016.000.000
+ Chi phí xây dựng	144.957.892.120	136.817.379.325
- Dự án khu phức hợp Q9 - HCM	4.983.032.265	3.789.523.175
- Trung tâm trưng bày vật tư và VP làm việc	209.090.909	209.090.909
- Dự án Phường Đông Hưng Thuận - Quận 12	319.761.400	269.761.400
- Dự án văn phòng CN201 tại Vũng Tàu	35.031.273	28.959.273
Cộng	360.685.511.525	351.295.417.640

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.1-Đầu tư vào công ty con	40.850.000.000	40.850.000.000
- Đầu tư 95% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi (950.000 CP)	40.850.000.000	40.850.000.000
8.2-Đầu tư dài hạn khác (*)	4.487.946.475	19.487.946.475
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15 (Viwaseen 15)	1.220.303.364	1.220.303.364
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12 (Viwaseen 12)	1.400.000.000	1.400.000.000
- Công ty Điện Nước An Giang	1.521.000.000	1.521.000.000
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước	346.643.111	346.643.111
- Công ty CP kinh doanh nước sạch Sài Gòn (1.500.000 cp)	-	15.000.000.000
Cộng	45.337.946.475	60.337.946.475
9. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9.1- Vay và nợ ngắn hạn	87.736.786.639	99.805.543.958
- Vay cán bộ công nhân viên	5.170.248.722	5.226.102.154
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	28.467.494.952	40.729.212.294
- Ngân hàng Công Thương - CN 1	54.099.042.965	53.850.229.510
9.2- Phải trả người bán	23.347.287.089	27.627.534.927
9.3- Người mua trả tiền trước	22.834.838.914	34.981.757.215
9.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.604.233.675	16.444.168.910
- Thuế GTGT phải nộp	1.693.322.185	8.898.614.980
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.635.652.828	4.985.656.806
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.750.576.028	2.086.236.452
- Thuế TNCN	524.682.634	473.660.672
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
9.5- Phải trả người lao động	507.568.988	1.387.159.809
9.6- Chi phí phải trả (trích trước chi phí công trình)	31.874.497.776	27.253.159.432
9.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	35.771.939.195	59.216.543.921
- Kinh phí công đoàn	385.450.224	351.462.540
- Bảo hiểm xã hội	338.874.429	161.589.675
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.047.614.542	58.703.491.706
9.8- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.594.294.481	1.674.394.481
Cộng	211.271.446.757	268.390.262.653

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

10. NỢ DÀI HẠN	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
10.1- Phải trả dài hạn nội bộ (Tổng công ty Viwaseen)	105.856.254.337	105.856.254.337
Trong đó:		
- Giá trị quyền sử đất số 10 Phố Quang	105.856.254.337	105.856.254.337
10.2- Phải trả dài hạn khác	126.337.706.763	123.893.118.900
- Công ty Đông Dương (Indochina Group) góp vốn XD chung cư	108.162.706.763	105.718.118.900
- Công ty TNHH Kiến Trúc Thiết Kế Arcurata (tiền đặt cọc thuê văn phòng)	6.500.000.000	6.500.000.000
- Công ty XK Lao Động TM & Du lịch	1.900.000.000	1.900.000.000
- Ông Phạm Đức Tấn	5.375.000.000	5.375.000.000
- Công ty CP Địa Lợi	4.400.000.000	4.400.000.000
10.3- Vay và nợ dài hạn	118.750.026.833	115.973.958.314
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- SGD II	8.248.041.917	13.248.041.917
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải- CN Quận 9	110.501.984.916	102.725.916.397
Cộng	350.943.987.933	345.723.331.551



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phó Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	132.000.000.000	9.639.328.147		10.469.984.028	4.513.153.094	(30.000)		20.900.946.854	177.523.382.123
Tăng vốn trong năm trước									
Lãi trong kỳ trước					251.135.964			2.945.651.022	2.945.651.022
Tăng khác									251.135.964
Giảm vốn trong kỳ trước									
Lỗ trong kỳ trước									
Giảm khác									
Số dư cuối kỳ trước	132.000.000.000	9.639.328.147		10.469.984.028	4.764.289.058	(30.000)		8.423.849.964	8.423.849.964
Số dư đầu năm nay	132.000.000.000	9.639.328.147		10.469.984.028	4.764.289.058	(30.000)		15.422.747.912	172.296.319.145
Tăng vốn trong kỳ này					76.596.365			19.069.228.176	175.942.799.409
Lãi trong kỳ này									76.596.365
Tăng khác									
Giảm vốn trong kỳ này									
Lỗ trong kỳ này									
Giảm khác (*)									
Số dư cuối kỳ	132.000.000.000	9.639.328.147		10.469.984.028	4.840.885.423	(30.000)		3.376.596.365	177.297.073.355

Ghi chú: (*) Chi tiết các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014 gồm:

- Trích quỹ dự phòng đầu tư tài chính 76.596.365
 - Cổ tức năm 2013 phải trả cho Tổng Công ty 1.980.000.000
 - Cổ tức năm 2013 phải trả cho các cổ đông 1.320.000.000
- Tổng cộng** 3.376.596.365



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	60%	79.200.000.000	72.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	40%	52.800.000.000	48.000.000.000
Cộng	100%	132.000.000.000	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
	Kỳ này	Kỳ trước	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm	132.000.000.000	132.000.000.000	
+ Vốn góp tăng trong kỳ			
+ Vốn góp giảm trong kỳ			
+ Vốn góp cuối kỳ	132.000.000.000	132.000.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.300.000.000	7.920.000.000	
d) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000	
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.200.000	13.200.000	
+ Cổ phiếu phổ thông			
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3		
+ Cổ phiếu phổ thông	3		
+ Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.997	13.199.997	
+ Cổ phiếu phổ thông	13.199.997	13.199.997	
+ Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp			
đ) Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
- Quỹ đầu tư phát triển	10.469.984.028	10.469.984.028	
- Quỹ dự phòng tài chính	4.840.885.423	4.764.289.058	
Cộng	15.310.869.451	15.234.273.086	

12. NGUỒN KINH PHÍ			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ			
- Chi sự nghiệp			
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	13.908.248	13.908.248	
Cộng	13.908.248	13.908.248	

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
	Kỳ này	Kỳ trước	
- Doanh thu bán hàng	11.354.598.686	10.746.459.490	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.600.289.923	31.474.709.103	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	90.237.606.413	62.455.387.910	
Cộng	129.192.495.022	104.676.556.503	

31729-
 CÔNG TY
 CHIẾM HỮU HU
 VỤ TƯ VÀ
 H KẾ T
 M TOÁN
 A NAM
 P. HỒ C

31729-
 CÔNG TY
 CHIẾM HỮU HU
 VỤ TƯ VÀ
 H KẾ T
 M TOÁN
 A NAM
 P. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Kỳ này	Kỳ trước
- Hàng bán trả lại	-	-
Cộng	-	-
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
15. VỤ	Kỳ này	Kỳ trước
Trong đó:		
- Doanh thu thuần về bán hàng	11.354.598.686	10.746.459.490
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	27.600.289.923	31.474.709.103
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	90.237.606.413	62.455.387.910
Cộng	129.192.495.022	104.676.556.503
16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.446.230.815	9.792.633.010
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	86.214.332.190	57.248.647.745
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.490.378.915	18.987.491.454
Cộng	113.150.941.919	86.028.772.209
17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức được chia	1.666.093.148	1.024.433.481
- Lãi từ chuyên nhượng vốn	900.000.000	-
- Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	717.047	-
Cộng	2.566.810.195	1.024.433.481
18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	5.310.834.762	6.191.607.131
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.151.858	490.313.257
Cộng	5.318.986.620	6.681.920.388
19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.169.921.874	922.017.602
Cộng	1.169.921.874	922.017.602
20. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	371.043.277	299.757.500
Cộng	371.043.277	299.757.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

21. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Kỳ này	Kỳ trước
Chỉ tiêu		
* Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.824.195.819	3.867.668.624
* Các khoản điều chỉnh	(506.369.120)	(179.598.214)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	161.465.580	74.712.286
+ Các khoản điều chỉnh giảm	667.834.700	254.310.500
* Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	5.317.826.699	3.688.070.410
* Thuế TNDN phải nộp	1.169.921.874	922.017.602
* Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.654.273.945	2.945.651.022

22. THÔNG TIN BỔ SUNG

22.1- Giao dịch với các bên có liên quan

Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	Tiền cổ tức đã trả	1.980.000.000
		Tiền cho thuê văn phòng	140.109.436
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	Cung cấp hợp đồng xây dựng	600.076.439
		Cung cấp dịch vụ cho thuê VP	94.224.067
		Lãi chậm thanh toán	554.595.644
		Cung cấp dịch vụ khác	17.590.132

Số dư các khoản công nợ phải trả với các bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	105.856.254.337	105.856.254.337

Số dư các khoản công nợ phải thu với các bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	6.317.563.674	6.264.491.420

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

22.2- Báo cáo bộ phận

22.2.1- Báo cáo bộ phận: Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh gồm đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình (cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng - công nghiệp...), lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực dịch vụ (tư vấn thiết kế).

b- Bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

22.2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Chi tiêu	Thi công xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Tư vấn thiết kế, sản xuất công nghiệp, kinh doanh khác	Cho thuê văn phòng	Kinh doanh vật tư hàng hóa	Tổng
A- Kết quả						
1- Doanh thu thuần	90.237.606.413		7.434.551.357	20.165.738.566	11.354.598.686	129.192.495.022
2- Chi phí	86.214.332.190		6.694.768.658	9.795.610.257	10.446.230.815	113.150.941.919
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	86.214.332.190		6.694.768.658	9.795.610.257	10.446.230.815	113.150.941.919
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.023.274.223		739.782.699	10.370.128.309	908.367.871	16.041.553.103
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	248.212.424.501	401.535.511.525	5.040.881.659	80.987.351.086	3.750.247.521	739.526.416.292
C- Nợ phải trả của bộ phận	208.343.225.343	336.195.946.016		14.748.041.917	2.928.221.415	562.215.434.690
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ						
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	918.515.277		266.408.194	3.345.703.478	124.647.613	4.655.274.562
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	909.732.667		179.932.933	3.159.255.942	53.815.909	4.302.737.451
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	8.782.610		86.475.261	186.447.536	70.831.704	352.537.111



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

22.3- Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30/06/2014	Ngày 31/12/2013	Ngày 30/06/2014	Ngày 31/12/2013	Ngày 30/06/2014	Ngày 31/12/2013
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.023.738.378	24.310.140.869			6.023.738.378	24.310.140.869
- Phải thu của khách hàng	88.890.047.921	112.747.316.216	(1.314.741.763)	(1.314.741.763)	87.575.306.158	111.432.574.453
- Phải thu ngắn hạn khác	2.157.614.722	2.417.227.136			2.157.614.722	2.417.227.136
Cộng	97.071.401.021	139.474.684.221	(1.314.741.763)	(1.314.741.763)	95.756.659.258	138.159.942.458
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ ngắn hạn	87.736.786.639	99.805.543.958			87.736.786.639	99.805.543.958
- Phải trả người bán	23.347.287.089	27.627.534.927			23.347.287.089	27.627.534.927
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	35.771.939.195	59.216.543.921			35.771.939.195	59.216.543.921
- Chi phí phải trả	31.874.497.776	27.253.159.432			31.874.497.776	27.253.159.432
- Phải trả dài hạn nội bộ	105.856.254.337	105.856.254.337			105.856.254.337	105.856.254.337
- Phải trả dài hạn khác	126.337.706.763	123.893.118.900			126.337.706.763	123.893.118.900
- Vay và nợ dài hạn	118.750.026.833	115.973.958.314			118.750.026.833	115.973.958.314
Cộng	529.674.498.632	559.626.113.789			529.674.498.632	559.626.113.789

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

22.3- Công cụ tài chính

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty cấp nước lớn của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp thoát nước, ngoài ra các công trình công ty đang thi công nguồn vốn thanh toán chắc chắn nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít. Tuy nhiên cũng có một số công trình vướng về mặt bằng thi công dẫn đến thời gian thi công kéo dài, chi phí đầu vào biến động, lãi vay tăng cao.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Công ty chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn thanh toán đảm bảo để tránh trường hợp thi công xong công trình nhưng chủ đầu tư không có nguồn vốn để thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.023.738.378		6.023.738.378
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.661.861.965	88.385.800.678	91.047.662.643
Đầu tư ngắn hạn			
Đầu tư dài hạn		45.337.946.475	45.337.946.475
Tài sản tài chính khác			
Tổng cộng	8.685.600.343	133.723.747.153	142.409.347.496
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.310.140.869		24.310.140.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	115.164.543.352		115.164.543.352
Đầu tư ngắn hạn			-
Đầu tư dài hạn		60.337.946.475	60.337.946.475
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	139.474.684.221	60.337.946.475	199.812.630.696

b.4 Tài sản đảm bảo

*** Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:**

Tại ngày 30/06/2014, Công ty có các tài sản thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 291/2011/HĐ ngày 22/06/2011.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 292/2011/HĐ ngày 22/06/2011.

Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Sở giao dịch II - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tài sản thế chấp:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng"
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn
- Dàn giáo Coppha

Giá trị ghi sổ của tài sản:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 71.375.101.617 đ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn: 1.212.970.585 đ
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn: 1.349.089.467 đ
- Dàn giáo Coppha: 0 đ

Giá trị thế chấp của tài sản:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 179.278.000.000 đ
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn: 2.245.285.988 đ
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn: 2.279.495.985 đ
- Dàn giáo Coppha: 1.706.504.243 đ

Mục đích thế chấp: Vay vốn ngắn hạn + bảo lãnh

* *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác:* Không phát sinh.

22.4- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Sen

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Dặng Văn Tiêu

